

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị vận tải:.....

HỒ SƠ LÝ LỊCH PHƯƠNG TIỆN

Biển kiểm soát: Số máy: Số khung: Chủ sở hữu:
 Nhận hiệu: Nước sản xuất: Năm sản xuất: Trọng tải:
 Cải tạo: Nguyên chiếc:
 Thuộc sở hữu (hoặc quản lý, sử dụng) từ ngày: / /

BẢNG THEO DÕI QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA

Năm

TT	Nội dung	Tháng												Tổng cộng	T/g BDS, cải tạo thực tế	Địa điểm BDS, cải tạo	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12				
1	Km xe chạy trong tháng																
	Km xe chạy lũy kế																
2	Số chuyến trong tháng																
	Số chuyến xe lũy kế																
3	Bảo dưỡng																
	-																
4	Sửa chữa																
	- Hệ thống phanh																
	- Sơn lại xe																
5	- vv.....																
	Cải tạo																
	- Thay đổi công năng																
	- Thùng xe																
	- vv.....																

* **Ghi chú:** Ngoài các nội dung nêu trên, đơn vị kinh doanh vận tải bổ sung các nội dung khác để phục vụ công tác quản lý điều hành của đơn vị

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 42 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

LÝ LỊCH LÁI XE KINH DOANH VẬN TẢI

Trang 1:

(Tên đơn vị vận tải)

LÝ LỊCH HÀNH NGHỀ LÁI XE

Họ và tên:

Ngày sinh:

Số Giấy phép lái xe.....cơ quan cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

THEO DÕI TAI NẠN GIAO THÔNG

Thời gian	Địa điểm	Thiệt hại về người, phương tiện	Nguyên nhân

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Khen thưởng:

.....

.....

.....

.....

.....

Kỷ luật :

.....

.....

.....

.....

.....

Phụ lục 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ

..(Đơn vị tổ chức tập huấn)....	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>
Số:	GIẤY CHỨNG NHẬN TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Ảnh 3 x 4 (có đóng dấu giáp lai)</div>	Họ và tên:
	Ngày, tháng, năm sinh:
	Địa chỉ thường trú:
	Giấy CMND số:
	Đã qua lớp tập huấn tại:
	Thời gian từ ngàythángnămđến ngàythángnăm, ngày..... tháng..... năm.....
GCN có giá trị đến	Thủ trưởng đơn vị (Ký tên, đóng dấu)

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

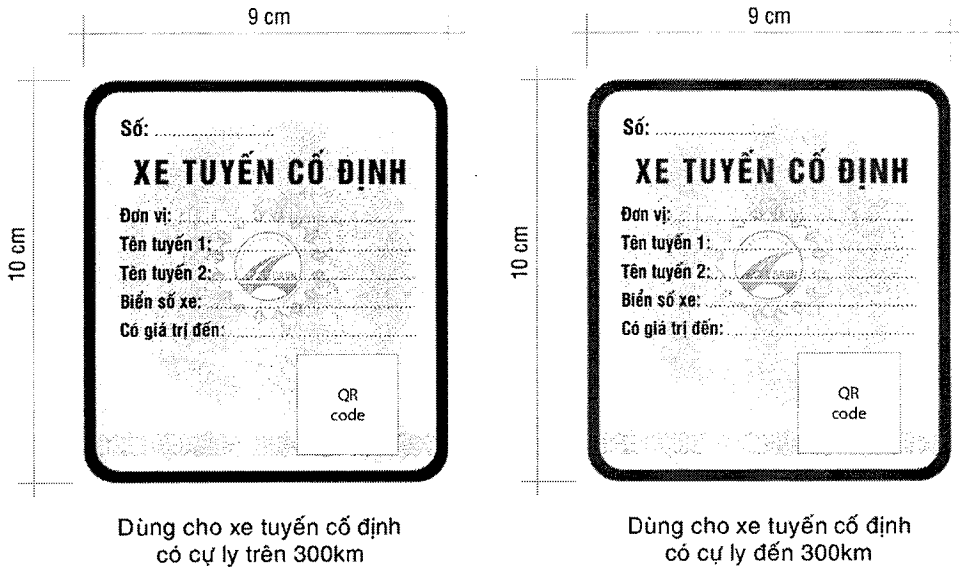
- Kích thước Giấy chứng nhận: dài 90 mm, rộng 60 mm.
- Ảnh chụp không quá 06 tháng. Đơn vị cấp Giấy đóng dấu giáp lai ở góc bên phải phía dưới ảnh.
- Giấy chứng nhận này chỉ nhân viên phục vụ trên xe đã hoàn thành khoá tập huấn theo nội dung quy định.
- Giấy chứng nhận có giá trị tối đa 03 năm, kể từ ngày cấp và không có giá trị thay thế giấy tờ tùy thân.
- Giấy chứng nhận sẽ không có giá trị khi bị tẩy xoá hoặc có sự thay đổi nội dung.

Phụ lục 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHÙ HIỆU “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”



Dùng cho xe tuyến cố định
có cự ly trên 300km

Dùng cho xe tuyến cố định
có cự ly đến 300km

1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - a) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly trên 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
 - b) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly đến 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

* **Ghi chú:** Sở Giao thông vận tải đóng dấu treo vào mặt sau của Phù hiệu, biển hiệu do đơn vị mình cấp.

Phụ lục 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phù hiệu “XE TRUNG CHUYỀN”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TRUNG CHUYỀN”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TRUNG CHUYỀN” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE TRUNG CHUYỀN”: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE TRUNG CHUYỀN”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

*** Ghi chú:**

- Sở Giao thông vận tải đóng dấu treo vào mặt sau của Phù hiệu, biển hiệu do đơn vị mình cấp.

Phụ lục 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Điện thoại:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

LỆNH VẬN CHUYỂN

Dùng cho xe ô tô vận chuyển hành khách ...tuyến cố định (hoặc xe buýt)....

Có giá trị từ ngày đến ngày

Cấp cho Lái xe 1:..... hạng GPLX:..... Lái xe 2:..... hạng GPLX:..... Nhân viên phục vụ trên xe:.....				Thủ trưởng đơn vị (Ký tên và đóng dấu)
Biển số đăng ký:..... Số ghế (gường nằm):... .. Loại xe:... .. Bến đi, bến đến:.....Mã số tuyến:..... Hành trình tuyến:.....(áp dụng đối với tuyến cố định)				
Lượt xe thực hiện	Bến xe đi, đến	Giờ xe chạy	Số khách	Bến xe (Ký tên và đóng dấu)
Lượt đi	Bến xe đi:.....	xuất bến giờ ngày.....		
	Bến xe nơi đến:	đến bến giờ ngày.....		
Lượt về	Bến xe đi:.....	xuất bến giờ ngày.....		
	Bến xe nơi đến:	đến bến giờ ngày.....		
LÁI XE 1 (Ký và ghi rõ họ tên)		LÁI XE 2 (Ký và ghi rõ họ tên)	NHÂN VIÊN PHỤC VỤ TRÊN XE (Ký và ghi rõ họ tên)	

*** Ghi chú:**

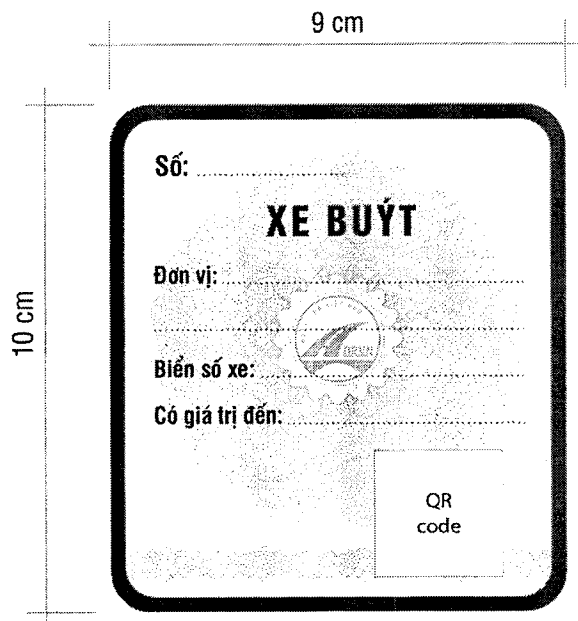
- Bến xe ghi vào ô ngày giờ đi đến, đóng dấu.
- Trên một tờ Lệnh vận chuyển chỉ được phép bố trí tối đa 4 lượt đi và 4 lượt về. Riêng Lệnh vận chuyển dành cho xe buýt bỏ nội dung “số khách” và “Bến xe (Ký tên và đóng dấu)”.
- Ngoài các nội dung nêu trên, đơn vị kinh doanh vận tải bổ sung các nội dung khác để phục vụ công tác quản lý điều hành của đơn vị.

Phụ lục 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phù hiệu “XE BUÝT”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE BUÝT”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE BUÝT” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE BUÝT”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE BUÝT”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

*** Ghi chú:**

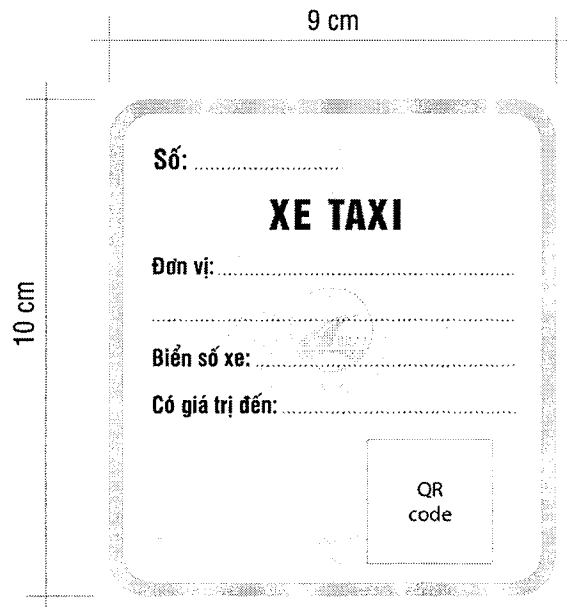
- Sở Giao thông vận tải đóng dấu treo vào mặt sau của Phù hiệu, biển hiệu do đơn vị mình cấp

Phụ lục 8

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phù hiệu “XE TAXI”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TAXI”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TAXI” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE TAXI”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 0 Y: 80 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 0 M: 0 Y: 80 K: 0.
3. Phong chữ “XE TAXI”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại:
Arial.

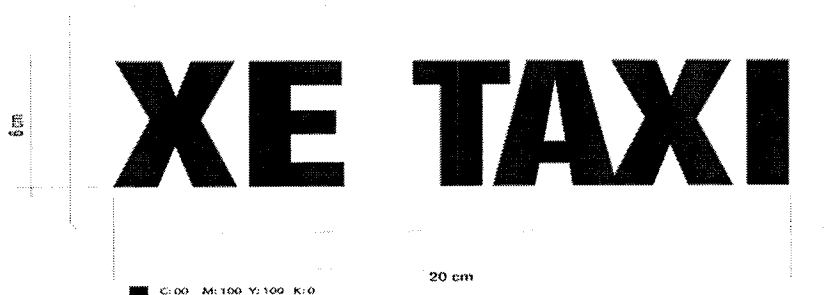
*** Ghi chú:**

- Sở Giao thông vận tải đóng dấu treo vào mặt sau của Phù hiệu, biển hiệu do đơn vị mình cấp

Phụ lục 9

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Hình dáng, kích thước tối thiểu và màu sắc chữ “XE TAXI”

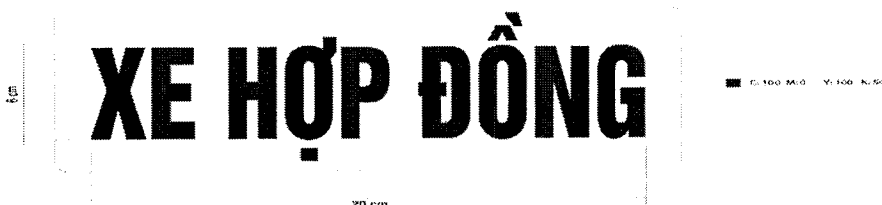


1. Chữ “XE TAXI” có phản quang.
2. Mã màu của chữ “XE TAXI”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
3. Phong chữ: UTM HelvetIns.

Phụ lục 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Hình dáng, kích thước tối thiểu và màu sắc chữ “XE HỢP ĐỒNG”



1. Chữ “XE HỢP ĐỒNG” có phản quang.
2. Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
3. Phong chữ: UTM HelvetIns.

Phụ lục 11

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Hình dáng, kích thước tối thiểu và màu sắc chữ “XE DU LỊCH”



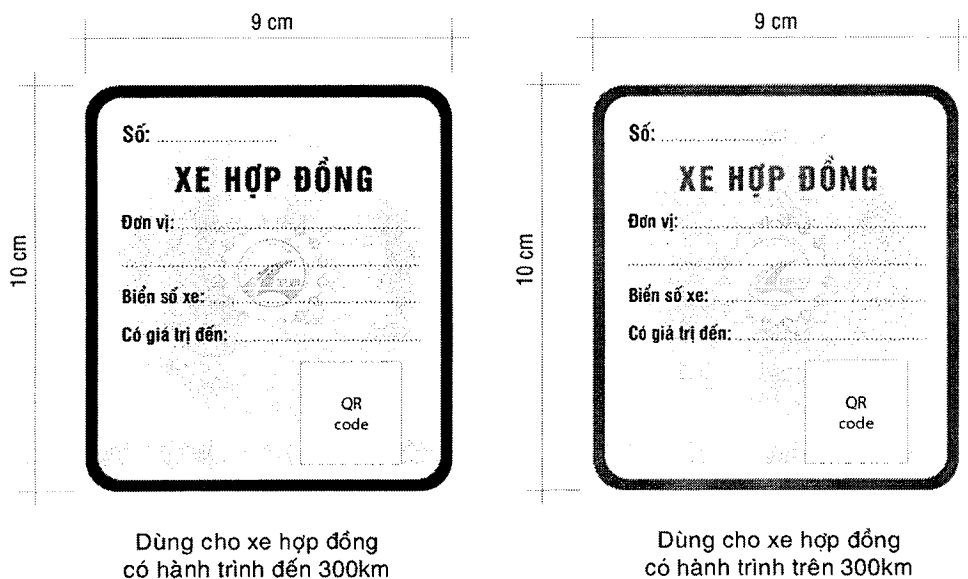
1. Chữ “XE DU LỊCH” có phản quang.
2. Mã màu của chữ “XE DU LỊCH”: C: 100 M: 80 Y: 0 K: 0.
3. Phong chữ: UTM HelvetIns.

Phụ lục 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHÙ HIỆU “XE HỢP ĐỒNG”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE HỢP ĐỒNG”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE HỢP ĐỒNG” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - a) Dùng cho xe hợp đồng có cự ly đến 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
 - + Mã màu nền: C: 40 M: 0 Y: 60 K: 0.
 - b) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly trên 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 0 M: 75 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 75 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 0 M: 25 Y: 45 K: 0.
3. Phong chữ “XE HỢP ĐỒNG”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

*** Ghi chú:**

- Sở Giao thông vận tải đóng dấu treo vào mặt sau của Phù hiệu, biển hiệu do đơn vị mình cấp

Phụ lục 13

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị kinh doanh:
Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

(Kèm theo Hợp đồng vận chuyển số/..... ngày tháng năm)

STT	Họ tên hành khách	Năm sinh	Ghi chú
.....			
	Tổng số: người		

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Đại diện tổ chức, cá nhân
bên thuê vận tải
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: Trường hợp có nhiều trang, đơn vị kinh doanh đóng dấu treo vào tất cả các trang của danh sách.

Phụ lục 14

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

NIÊM YẾT THÔNG TIN TRÊN XE Ô TÔ TẢI, Ô TÔ ĐÀU KÉO, RƠ MOÓC, SƠ MI RƠ MOÓC

I. Xe ô tô tải

- a) Vị trí: Trên cánh cửa xe
b) Nội dung:

<p>- TÊN ĐƠN VỊ VẬN TẢI (chữ in hoa) - Số điện thoại:</p> <p><i>Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (tấn)</i></p> <hr/> <p><i>Khối lượng bản thân (tấn)</i></p> <hr/> <p><i>Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (tấn)</i></p>

(khung bao ngoài có thể bố trí dạng hình chữ nhật, hình tròn hoặc bán nguyệt)

II. Xe ô tô đầu kéo

- a) Vị trí: Trên cánh cửa xe
b) Nội dung:

<p>- TÊN ĐƠN VỊ VẬN TẢI (chữ in hoa) - Số điện thoại:</p> <p><i>Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (tấn)⁽¹⁾</i></p> <hr/> <p><i>Khối lượng bản thân (tấn)</i></p> <hr/> <p><i>Khối lượng toàn bộ cho phép kéo theo (tấn)</i></p>
--

(khung bao ngoài có thể bố trí dạng hình chữ nhật, hình tròn hoặc bán nguyệt)

(1): Khối lượng toàn bộ của sơ mi rơ moóc phân bố lên cơ cấu kéo (mâm xoay).

III. RƠ MOÓC, SƠ MI RƠ MOÓC

- a) Vị trí:
- Trường hợp rơ moóc và sơ mi rơ moóc có thành thùng chở hàng: Mặt ngoài hai bên thành thùng

- Trường hợp rơ moóc và sơ mi rơ moóc không có thành thùng chở hàng:
Niêm yết thông tin trên bảng bằng kim loại được gắn với khung xe tại vị trí dễ
quan sát bên cạnh hoặc phía sau.

b) Nội dung, hình thức:

- Kích thước:

Chiều dài: $D_{\text{dài}} = 400 \text{ mm} \pm 50 \text{ mm}$

Chiều rộng: $C_{\text{rộng}} = 300 \text{ mm} \pm 50 \text{ mm}$

- TÊN ĐƠN VỊ VẬN TẢI (chữ in hoa)

- Số điện thoại:

Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (tấn)

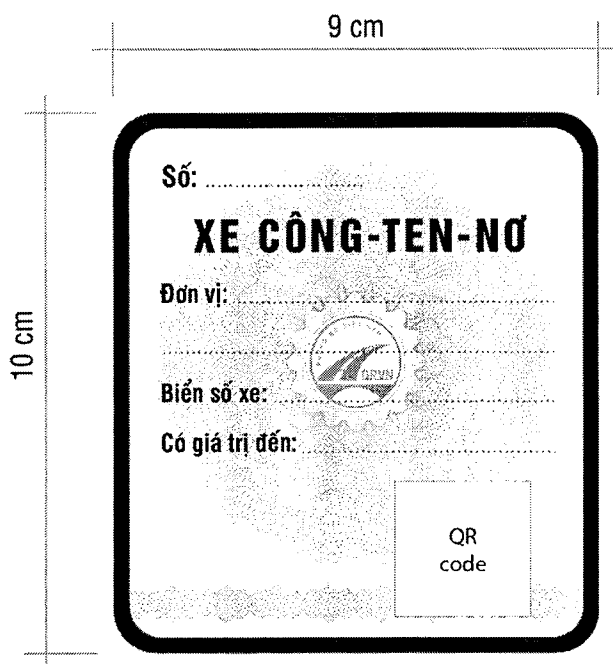
Khối lượng bản thân (tấn)

Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (tấn)

Phụ lục 15

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE CÔNG-TEN-NƠ”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE CÔNG-TEN-NƠ” có phản quang.

2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.

+ Mã màu của chữ “XE CÔNG-TEN-NƠ”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu nền: C: 55 M: 0 Y: 0 K: 0.

3. Phong chữ “XE CÔNG-TEN-NƠ”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

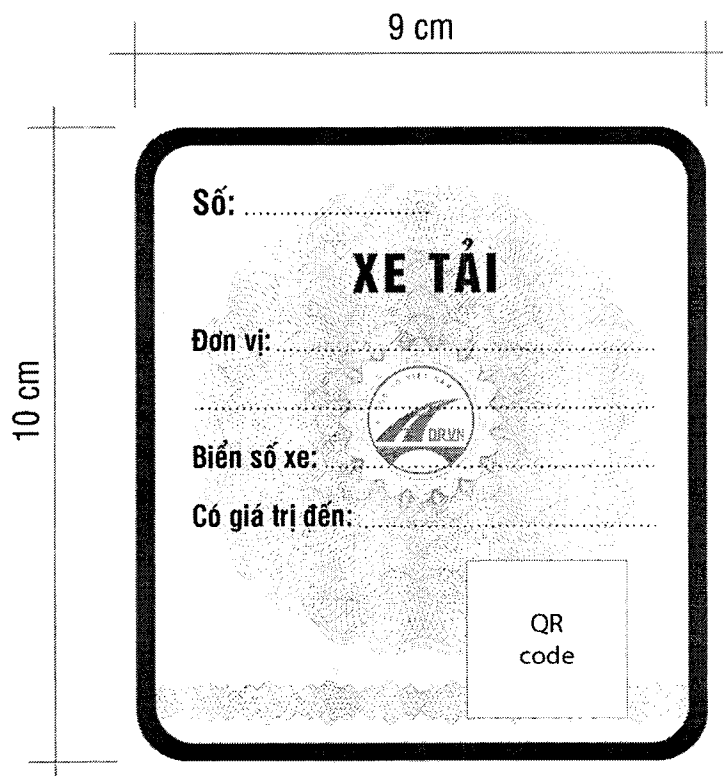
*** Ghi chú:**

- Sở Giao thông vận tải đóng dấu treo vào mặt sau của Phù hiệu, biển hiệu do đơn vị mình cấp.

Phụ lục 16

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TẢI”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TẢI” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE TẢI”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 55 M: 0 Y: 0 K: 0.
3. Phong chữ “XE TẢI”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

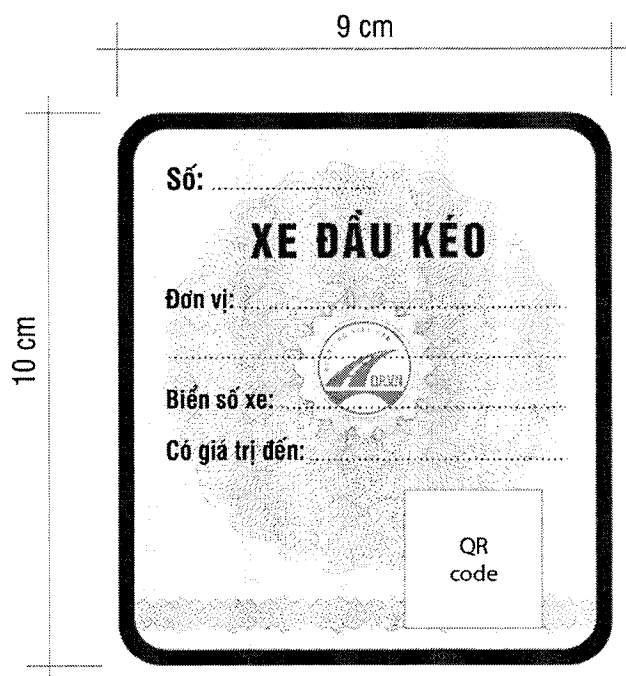
*** Ghi chú:**

- Sở Giao thông vận tải đóng dấu treo vào mặt sau của Phù hiệu, biển hiệu do đơn vị mình cấp.

Phụ lục 17

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE ĐẦU KÉO”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE ĐẦU KÉO” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE ĐẦU KÉO”: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 55 M: 0 Y: 0 K: 0.
3. Phong chữ “XE ĐẦU KÉO”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

*** Ghi chú:**

- Sở Giao thông vận tải đóng dấu treo vào mặt sau của Phù hiệu, biển hiệu do đơn vị mình cấp

Phụ lục 18

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên Đơn vị kinh doanh vận tải: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: /..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư số của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ,.....(tên đơn vị vận tải).... báo cáo kết quả hoạt động vận tải của đơn vị trong tháng.....năm..... như sau:

1. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách theo tuyến cố định:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả
1	Số tuyến tham gia khai thác	tuyến	
	- Tuyến nội tỉnh	-nt-	
	- Tuyến liên tỉnh	-nt-	
2	Số lượng phương tiện	xe	
	- Tuyến nội tỉnh	-nt-	
	- Tuyến liên tỉnh	-nt-	
3	Tổng số chuyến xe thực hiện	chuyến	
	- Tuyến nội tỉnh	chuyến	
	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	%	
	- Tuyến liên tỉnh	chuyến	
	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	%	

2. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe buýt:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả
1	Số tuyến tham gia khai thác	tuyến	
	- Số tuyến có trợ giá	-nt-	
2	Số lượng phương tiện	xe	
3	Tổng số chuyến xe thực hiện	chuyến	
4	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	%	

5	Sản lượng khách vận chuyển	lượt khách	
6	Trợ giá (nếu có)	1000đ	

3. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe taxi:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả
1	Số lượng phương tiện	xe	
2	Lượt xe thực hiện	lượt	
3	Sản lượng khách vận chuyển	lượt khách	

4. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách theo hợp đồng:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả
1	Số lượng phương tiện	xe	
	- Sức chứa dưới 9 chỗ	-nt-	
	- Sức chứa từ 9 - 25 chỗ	-nt-	
	- Sức chứa từ trên 25 chỗ	-nt-	
2	Số chuyến xe thực hiện	chuyến	
3	Sản lượng khách vận chuyển	Lượt khách	

5. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe du lịch:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả
1	Số lượng phương tiện	xe	
2	Số chuyến xe thực hiện	chuyến	
3	Sản lượng khách vận chuyển	lượt khách	

6. Kết quả thực hiện quy trình đảm bảo an toàn giao thông (báo cáo theo các nội dung thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này).

7. Thuận lợi, khó khăn:

8. Đề xuất, kiến nghị:

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 19

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên Đơn vị kinh doanh

Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư số của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ,.....(tên đơn vị vận tải).... báo cáo kết quả hoạt động vận tải của đơn vị trong tháng.....năm..... như sau:

1. Kết quả hoạt động vận chuyển hàng hóa

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng
1	Số lượng phương tiện	xe	
	- Xe công-ten-nơ	-nt-	
	- Xe đầu kéo	-nt-	
	- Xe taxi tải	-nt-	
	- Xe tải khác	-nt-	
2	Sản lượng hàng hóa vận chuyển	tấn	
	- Xe công-ten-nơ	-nt-	
	- Xe đầu kéo	-nt-	
	- Xe taxi tải	-nt-	
	- Xe tải khác	-nt-	
3	Sản lượng luân chuyển hàng hóa	tấn.km	
	- Xe công-ten-nơ	-nt-	
	- Xe đầu kéo	-nt-	
	- Xe taxi tải	-nt-	
	- Xe tải khác	-nt-	

2. Kết quả thực hiện quy trình đảm bảo an toàn giao thông (báo cáo các nội dung thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này).

3. Thuận lợi, khó khăn:.....

4. Đề xuất, kiến nghị:

Đại diện đơn vị kinh doanh

Ký tên, đóng dấu

Phụ lục 20

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên Đơn vị Bến xe:

Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BẾN XE

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư số của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ,.....(tên đơn vị bến xe).... báo cáo kết quả hoạt động vận tải của đơn vị trong tháng.....năm..... như sau:

1. Kết quả hoạt động của bến xe khách

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả
1	Tổng số đơn vị đăng ký khai thác tại bến	Đơn vị	
2	Tổng số tuyến xe xuất phát tại bến	Tuyến	
	- Tuyến nội tỉnh	-nt-	
	- Tuyến liên tỉnh	-nt-	
	- Tuyến xe buýt	Tuyến	
3	Số lượng phương tiện	xe	
	- Tuyến nội tỉnh	-nt-	
	- Tuyến liên tỉnh	-nt-	
	- Tuyến xe buýt	-nt-	
4	Tổng số chuyến xe thực hiện	chuyến	
	- Tuyến nội tỉnh	chuyến	
	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	%	
	- Tuyến liên tỉnh	chuyến	
	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	%	
5	Tổng số chuyến xe buýt	Chuyến	
6	Tổng số chuyến xe không thực hiện	Chuyến	
	- Tuyến nội tỉnh	-nt-	
	- Tuyến liên tỉnh	-nt-	
7	Tổng hành khách vận chuyển thông qua bến	HK	
8	Công suất bến xe (công suất thực tế/công suất		

	đã công bố)		
--	-------------	--	--

2. Kết quả hoạt động của bến xe hàng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả
1	Tổng số đơn vị đăng ký hoạt động tại bến	Đơn vị	
2	Tổng số lượt phương tiện ra, vào bến	Lượt xe	
3	Tổng khối lượng hàng hoá thông qua tại bến	1000 tấn	

3. Kết quả thực hiện kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông (báo cáo theo các nội dung thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này).

4. Thuận lợi, khó khăn:

5. Đề xuất, kiến nghị:

Đại diện đơn vị bến xe
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 21

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2020 /TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI NĂM.....

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư số của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ,.....(Sở GTVT làm báo cáo)....báo cáo kết quả hoạt động vận tải trên địa bàn địa phương trong năm..... như sau:

1. Kết quả hoạt động vận chuyên hành khách

a) Vận chuyển hành khách liên tỉnh theo tuyến cố định

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng
1	Tổng số đơn vị vận tải trên địa bàn	Đơn vị	
	- Doanh nghiệp	-nt-	
	- Hợp tác xã	-nt-	
2	Tổng số tuyến	tuyến	
	- Tuyến nội tỉnh	-nt-	
	- Tuyến liên tỉnh	-nt-	
3	Tổng số phương tiện	xe	
	- Tuyến nội tỉnh	-nt-	
	- Tuyến liên tỉnh	-nt-	
4	Tổng chuyến xe thực hiện	chuyến	
	- Tuyến nội tỉnh	-nt-	
	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	%	
	- Tuyến liên tỉnh	chuyến	
	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	%	

* Ghi chú: Chỉ tổng hợp số liệu báo cáo của các doanh nghiệp, HTX có trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh tại địa phương.

b) Vận chuyển hành khách theo hợp đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ghi chú
1	Tổng số đơn vị tham gia	đơn vị	
	- Doanh nghiệp	-nt-	
	- Hợp tác xã	-nt-	
	- Hộ kinh doanh	-nt-	
2	Tổng số phương tiện	xe	
	- Sức chứa dưới 9 chỗ	-nt-	
	- Sức chứa từ 9 - 25 chỗ	-nt-	
	- Sức chứa từ trên 25 chỗ	-nt-	
3	Số chuyến xe thực hiện	chuyến	
4	Sản lượng khách vận chuyển	lượt khách	

c) Vận chuyển hành khách bằng xe du lịch

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng
1	Tổng số đơn vị tham gia	đơn vị	
	- Doanh nghiệp	-nt-	
	- Hợp tác xã	-nt-	
	- Hộ kinh doanh	-nt-	
2	Tổng số phương tiện	xe	
	- Sức chứa dưới 9 chỗ	-nt-	
	- Sức chứa từ 9 - 25 chỗ	-nt-	
	- Sức chứa từ trên 25 chỗ	-nt-	
3	Số chuyến xe thực hiện	chuyến	
4	Sản lượng khách vận chuyển	lượt khách	

d) Vận chuyển hành khách bằng xe buýt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng
1	Tổng số tuyến	tuyến	
	- Số tuyến có trợ giá (nếu có)	-nt-	
2	Tổng phương tiện	xe	
3	Tổng số chuyến xe thực hiện	chuyến	
4	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	%	
5	Tổng trợ giá (nếu có)	Tr.đ	

2. Kết quả hoạt động vận tải hàng hóa

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng
1	Tổng phương tiện	xe	
	- Xe Công ten nơ	-nt-	
	- Xe đầu kéo	-nt-	
	- Xe taxi tải	-nt-	
	- Xe tải khác	-nt-	
2	Tổng sản lượng hàng hóa vận chuyển	Tấn	
	- Xe Công ten nơ	-nt-	
	- Xe đầu kéo	-nt-	
	- Xe taxi tải	-nt-	
	- Xe tải khác	-nt-	
3	Tổng sản lượng luân chuyển hàng hóa	tấn.km	
	- Xe Công ten nơ	-nt-	
	- Xe đầu kéo	-nt-	
	- Xe taxi tải	-nt-	
	- Xe tải khác	-nt-	

3. Kết quả hoạt động của các bến xe trên địa bàn

a) Bến xe khách

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả
1	Tổng số bến xe khách	Đơn vị	
2	Tổng số tuyến xe xuất phát tại các bến xe	Tuyến	
	- Tuyến nội tỉnh	-nt-	
	- Tuyến liên tỉnh	-nt-	
	- Tuyến xe buýt	Tuyến	
3	Tổng số lượng phương tiện	xe	
	- Tuyến nội tỉnh	-nt-	
	- Tuyến liên tỉnh	-nt-	
	- Tuyến xe buýt	-nt-	
4	Tổng số chuyến xe thực hiện	chuyến	
	- Tuyến nội tỉnh	chuyến	
	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	%	
	- Tuyến liên tỉnh	chuyến	

	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	%	
5	Tổng số chuyến xe buýt	Chuyến	
6	Tổng số chuyến xe không thực hiện	Chuyến	
	- Tuyến nội tỉnh	-nt-	
	- Tuyến liên tỉnh	-nt-	
7	Tổng hành khách vận chuyển thông qua bến	HK	

b) Bến xe hàng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả
1	Tổng số bến xe hàng trên địa bàn	Đơn vị	
2	Tổng số lượt phương tiện ra, vào các bến	Lượt xe	
3	Tổng khối lượng hàng hoá thông qua tại các bến	1000 tấn	

4. Kết quả thực hiện kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông (báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện của các đơn vị trên địa bàn).

5. Thuận lợi, khó khăn:

6. Đề xuất, kiến nghị:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ GTVT (để báo cáo);
-

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)